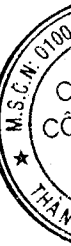




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006  
2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

**Hội đồng Quản trị** Ông Nguyễn Tiến Dũng Chủ tịch  
Ông Văn Thanh Liêm Thành viên  
Ông Cao Thanh Bích Thành viên  
Ông Võ Hải Thanh Thành viên  
Ông Nguyễn Hồng Anh Thành viên

**Ban Kiểm soát** Bà Nguyễn Thanh Thủy Trưởng ban  
Bà Hoàng Thanh Vân Thành viên  
Ông Đặng Hải Hà Thành viên

**Ban Giám đốc** Ông Võ Hải Thanh Giám đốc  
Ông Nguyễn Hồng Anh Phó Giám đốc  
Ông Hoàng Lâm Hòa Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khối 1, Xã Hưng Đạo  
Huyện Hưng Nguyên  
Tỉnh Nghệ An  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



*Giám đốc*

Nghệ An, ngày 2 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00254-20-2

CÔNG TY TNHH  
KPMG

Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng Nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>218.590.766.332</b>	<b>202.171.661.011</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.608.853.476</b>	<b>17.526.002.982</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>80.000.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	80.000.000.000	32.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.186.732.203</b>	<b>63.671.607.874</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	37.980.039.856	62.471.879.208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		890.998.440	440.179.720
Phải thu ngắn hạn khác	136		413.193.907	759.548.946
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(97.500.000)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>85.252.708.874</b>	<b>87.205.047.650</b>
Hàng tồn kho	141		99.197.781.411	87.205.047.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.945.072.537)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>542.471.779</b>	<b>1.769.002.505</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		542.471.779	1.769.002.505
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>563.173.527.407</b>	<b>633.174.992.684</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>545.067.196.436</b>	<b>615.257.764.921</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	545.067.196.436	615.257.764.921
Nguyên giá	222		1.269.224.518.816	1.262.345.715.800
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(724.157.322.380)	(647.087.950.879)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		91.650.000	91.650.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.650.000)	(91.650.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.134.294.000</b>	<b>562.500.000</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		3.134.294.000	562.500.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.942.036.971</b>	<b>17.324.727.763</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	14.942.036.971	17.324.727.763
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>781.764.293.739</b>	<b>835.346.653.695</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>263.439.038.658</b>	<b>350.509.934.853</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>263.119.038.658</b>	<b>350.189.934.853</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	29.572.133.617	19.553.086.340
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	88.042.315.108	92.375.947.499
Phải trả người lao động	314		4.953.439.421	6.478.473.570
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	9.497.584.693	6.477.067.534
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	4.258.163.693	3.801.474.448
Vay ngắn hạn	320	15	118.766.311.328	216.614.876.467
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		172.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.857.090.798	4.889.008.995
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>320.000.000</b>	<b>320.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>518.325.255.081</b>	<b>484.836.718.842</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>518.325.255.081</b>	<b>484.836.718.842</b>
Vốn cổ phần	411	18	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.809.059.066	28.320.522.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.320.522.827	2.961.638.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		60.488.536.239	25.358.883.969
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>781.764.293.739</b>	<b>835.346.653.695</b>

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
**Văn Bá Thi**  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>960.833.511.473</b>	<b>868.824.159.686</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>839.230.002.949</b>	<b>792.284.970.183</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>121.603.508.524</b>	<b>76.539.189.503</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.617.220.258	700.334.332
Chi phí tài chính	22		9.952.360.490	11.866.818.659
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.952.360.490	11.848.780.198
Chi phí bán hàng	25		1.404.493.820	1.177.222.999
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	24.563.526.487	24.239.152.837
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>89.300.347.985</b>	<b>39.956.329.340</b>
Thu nhập khác	31		614.415.796	667.931.475
Chi phí khác	32		1.755.732	71.072.404
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>612.660.064</b>	<b>596.859.071</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>89.913.008.049</b>	<b>40.553.188.411</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>21.351.675.210</b>	<b>8.264.271.487</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>68.561.332.839</b>	<b>32.288.916.924</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.350	564

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>89.913.008.049</b>	<b>40.553.188.411</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	77.069.371.501	76.562.716.723
Các khoản dự phòng	03	14.214.572.537	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(3.607.706.633)	(700.334.332)
Chi phí lãi vay	06	9.952.360.490	11.848.780.198
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>187.541.605.944</b>	<b>128.264.351.000</b>
Biến động các khoản phải thu	09	25.568.764.520	(30.337.964.503)
Biến động hàng tồn kho	10	(11.992.733.761)	(12.130.333.485)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.931.840.371	27.994.884.705
Biến động chi phí trả trước	12	3.609.221.518	(1.885.332.846)
		<b>207.658.698.592</b>	<b>111.905.604.871</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.069.915.515)	(11.782.606.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.284.084.411)	(10.030.269.920)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.840.413.633)	(13.390.089.296)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>175.464.285.033</b>	<b>76.702.639.023</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.993.685.824)	(8.303.463.384)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(101.000.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	53.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.219.816.224	700.334.332
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(54.773.869.600)</b>	<b>(39.603.129.052)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	1.037.203.509.775	884.702.477.666
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.135.052.074.914)	(881.797.525.613)
Tiền chi trả cổ tức	36	(26.758.999.800)	(37.305.445.504)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(124.607.564.939)</b>	<b>(34.400.493.451)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.917.149.506)</b>	<b>2.699.016.520</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>17.526.002.982</b>	<b>14.826.986.462</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>13.608.853.476</b>	<b>17.526.002.982</b>

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
**Văn Bá Thi**  
 Kế toán trưởng



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2019: 210 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giá định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 44.528 triệu VND (1/1/2019: 148.018 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng theo đơn đặt hàng từ công ty mẹ là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm       |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm   |
| ▪ tài sản khác           | 6 năm       |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Bao bì luân chuyển***

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

#### **5. Tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	420.348.730	456.069.230
Tiền gửi ngân hàng	13.188.504.746	17.069.933.752
	<hr/>	<hr/>
	13.608.853.476	17.526.002.982
	<hr/>	<hr/>

#### **6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 7,0% một năm (1/1/2019: 7,0% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	37.502.899.391	58.559.536.728
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	352.015.465	3.086.517.480
Các khách hàng khác	125.125.000	825.825.000
	37.980.039.856	62.471.879.208

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	37.502.899.391	58.559.536.728
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	125.125.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Bắc	-	825.825.000
	125.125.000	825.825.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.938.371.234	-	4.060.501.540	-
Nguyên vật liệu	26.740.701.508	-	21.699.824.869	-
Công cụ và dụng cụ	26.397.871.079	(13.945.072.53)	26.103.174.832	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.069.416.876	-	22.543.816.712	-
Thành phẩm	18.051.420.714	-	12.797.729.697	-
	99.197.781.411	(13.945.072.53)	87.205.047.650	-

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2018: Không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	218.483.136.658	1.025.631.819.241	7.122.541.526	9.514.975.868	1.593.242.507	1.262.345.715.800
Tăng trong năm	277.366.364	3.233.484.035	528.000.000	244.992.000	108.810.000	4.392.652.399
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.486.150.617	-	-	-	2.486.150.617
Số dư cuối năm	218.760.503.022	1.031.351.453.893	7.650.541.526	9.759.967.868	1.702.052.507	1.269.224.518.816
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	57.462.987.063	575.448.462.720	6.948.299.136	5.916.689.180	1.311.512.780	647.087.950.879
Khấu hao trong năm	10.312.021.235	65.131.172.421	221.420.166	1.312.678.891	92.078.788	77.069.371.501
Số dư cuối năm	67.775.008.298	640.579.635.141	7.169.719.302	7.229.368.071	1.403.591.568	724.157.322.380
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	161.020.149.595	450.183.356.521	174.242.390	3.598.286.688	281.729.727	615.257.764.921
Số dư cuối năm	150.985.494.724	390.771.818.752	480.822.224	2.530.599.797	298.460.939	545.067.196.436

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 11.912 triệu VND (1/1/2019: 9.472 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	15.204.538.566	2.038.157.378	82.031.819	17.324.727.763
Tăng trong năm	8.680.162.048	776.560.817	-	9.456.722.865
Phân bổ trong năm	(10.569.216.569)	(1.190.298.855)	(79.898.233)	(11.839.413.657)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.315.484.045</b>	<b>1.624.419.340</b>	<b>2.133.586</b>	<b>14.942.036.971</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	15.758.874.428	11.369.131.887
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	3.519.197.578	1.930.240.836
Các nhà cung cấp khác	10.294.061.611	6.253.713.617
	<b>29.572.133.617</b>	<b>19.553.086.340</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	15.758.874.428	11.369.131.887
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	2.169.904.866	238.440.128
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	73.315.000	73.315.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	64.790.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	79.920.747.983	927.326.407.676	(934.777.884.609)	72.469.271.050
Thuế giá trị gia tăng	9.941.928.015	188.518.884.828	(189.410.345.818)	9.050.467.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.419.315.191	21.351.675.210	(17.284.084.411)	6.486.905.990
Thuế thu nhập cá nhân	93.956.310	1.090.835.681	(1.149.120.948)	35.671.043
	92.375.947.499	1.138.287.803.395	(1.142.621.435.786)	88.042.315.108

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	4.432.522.782	4.550.077.807
Chi phí sửa chữa và bảo trì	2.991.121.940	-
Chi phí phải trả khác	2.043.939.971	1.926.989.727
	9.497.584.693	6.477.067.534

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	3.682.063.882	3.441.063.682
Phải trả ngắn hạn khác	576.099.811	360.410.766
	4.258.163.693	3.801.474.448

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay ngắn hạn**

	1/1/2019	Biến động trong năm		31/12/2019
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	216.614.876.467	1.037.203.509.775	(1.135.052.074.914)	118.766.311.328

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,2% - 7,0%	118.766.311.328	216.614.876.467

(\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 545.067 triệu VND (1/1/2019: 615.258 triệu VND) (Thuyết minh 9) và quyền sử dụng đất số AI189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009.

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.889.008.995	10.503.368.788
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	7.808.495.436	6.917.270.447
Sử dụng trong năm	(4.840.413.633)	(12.531.630.240)
Số dư cuối năm	7.857.090.798	4.889.008.995

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	858.459.056	38.948.876.350	496.323.531.421
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.288.916.924	32.288.916.924
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(6.917.270.447)	(6.917.270.447)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(858.459.056)	-	(858.459.056)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	-	28.320.522.827	484.836.718.842
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	68.561.332.839	68.561.332.839
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(7.808.495.436)	(7.808.495.436)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(264.301.164)	(264.301.164)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	-	61.809.059.066	518.325.255.081

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2019 và 1/1/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## **19. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 27.000 triệu VND (tương đương 600 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 36.000 triệu VND, tương đương 800 VND/cổ phiếu).

## **20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	857.528.064	857.528.064
Từ hai đến năm năm	3.430.112.256	3.430.112.256
Sau năm năm	29.370.336.192	30.227.864.256
	33.657.976.512	34.515.504.576

**22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu	951.991.504.854	861.826.259.872
▪ Bán thành phẩm	1.879.317.912.530	1.679.405.216.440
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(927.326.407.676)	(817.578.956.568)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	8.842.006.619	6.997.899.814
▪ Doanh thu khác	8.842.006.619	6.997.899.814
	960.833.511.473	868.824.159.686

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	814.941.506.277	781.191.380.701
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.945.072.537	-
▪ Giá vốn khác	10.343.424.135	11.093.589.482
	839.230.002.949	792.284.970.183

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	10.408.302.045	10.122.246.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.799.863.167	5.582.807.044
Thuế, phí và lệ phí	886.254.876	886.254.721
Chi phí khấu hao	852.711.992	750.495.557
Chi phí thiết bị văn phòng	520.782.820	451.226.216
Chi phí quản lý khác	8.095.611.587	6.446.123.159
	24.563.526.487	24.239.152.837

**25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	688.090.720.896	643.360.017.443
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.069.371.501	76.562.716.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.755.613.708	54.575.963.675
Chi phí nhân công và nhân viên	34.779.667.868	34.378.274.232
Chi phí khác	9.502.649.283	7.611.958.564

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	21.351.675.210	8.264.271.487

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.913.008.049	40.553.188.411
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.982.601.610	8.110.637.682
Chi phí không được khấu trừ thuế	171.226.044	153.633.805
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.197.847.556	-
	21.351.675.210	8.264.271.487

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	68.561.332.839	32.288.916.924
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.808.495.436)	(6.917.270.447)
	60.752.837.403	25.371.646.477

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.879.317.912.530	1.678.702.838.360
Mua nguyên vật liệu	595.758.876.793	572.938.510.099
Cổ tức	18.570.000.000	24.760.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua vỏ chai	6.819.747.681	10.673.470.000
Phí sử dụng vỏ chai	2.607.233.514	932.672.843
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	799.800.000	847.850.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ</b>		
Mua hàng hóa	1.153.146.250	880.721.688
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco</b>		
Phí dịch vụ tư vấn	2.092.717.332	274.290.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc</b>		
Bán thành phẩm	-	750.750.000
Mua nguyên vật liệu	-	44.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.994.459.160	1.905.240.642

**29. Số liệu so sánh**

Ngoài một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Hàng tồn kho**

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Nguyên vật liệu	21.699.824.869	47.216.005.005
Công cụ và dụng cụ	26.103.174.832	586.994.696

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:



**Văn Bá Thi**  
**Kế toán Trưởng**

Người duyệt:



**Võ Hải Thanh**  
**Giám đốc**

0.00

0.00